TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày: 17-01-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Bích Tuyền;

2. Ông Nguyễn Thành Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Minh T, sinh năm 1996; tại: Châu Đốc - An Giang; nơi cư trú: tổ 08, khóm C, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Phước H, sinh năm 1966 và bà Trần Thị Ngọc K(đã chết); vợ Lê Thị Hồng P, sinh năm 1997; có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017.

- Tiền án: Ngày 14/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang kết án 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 14/12/2017 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 04/9/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn Trường G, vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Phước T1, vắng mặt;

3. Ông Mao kỳ P (Ph), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 11/8/2019, Công an phường Châu Phú A và Công an thành phố Châu Đốc phối hợp tuần tra đến khu vực đường Thủ Khoa Nghĩa, khóm 4, phường A, thành phố D, tỉnh An Giang, phát hiện, bắt quả tang Trần Minh T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ: 01 túi nhựa trong suốt, hàn kín hai đầu, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (nghi vấn ma túy đá), T khai ma túy đá mua tại nhà của Mao Kỳ P (ph), đã sử dụng một lần, còn lại cất giấu để sử dụng.

Kết luận giám định số 160/KLGT-PC09 (MT) ngày 22/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, xác định: mẫu gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1035gam.

Cáo trạng số 116/CT-VKSCĐ ngày 13/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố Trần Minh T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ma túy là chất gây nghiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, đời sống tinh thần của con người, gây nguy hiểm đến trật tự xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất ma tuý, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo có 01 tiền án: Ngày 14/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang kết án 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 14/12/2017 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm", quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, 53 Bộ luật Hình sự.

Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng người chung trong xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; tích cực hợp tác với Cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, bị cáo đủ điều kiện được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; các điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, 53 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định.

Đối với Nguyễn Phước T1, bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra đã khởi tố tạm giam, điều tra xử lý; Mao Kỳ P (Ph) bỏ đi khỏi địa phương không rõ lý do, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người chứng kiến ông G, ông T1 và ông Ph đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo T khai, do bản thân nghiện ma túy và để có nguồn ma túy sử dụng, bị cáo đã mua của nhiều người gồm Nguyễn Phước T1, tại tổ 6, khóm 1, phường A và Mao Kỳ P (Ph) tại tổ 8, khóm 7,

phường Châu A, thành phố D. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 11/8/2019, bị cáo đến nhà của P mua 01 (một) bọc ma túy đá giá với giá tiền 200.000đ, sau đó mang về nhà lấy ra một ít sử dụng, phần còn lại cất giấu trong túi quần đang mặc phía bên phải, trong lúc đang sử dụng thì G và H (bạn của G) đến và sử dụng chung, sử dụng được một lúc thì hết ma túy. G hỏi bị cáo còn ma túy không, bị cáo trả lời không còn, thấy vậy G rủ bị cáo đi mua ma túy về sử dụng, bị cáo đồng ý và cùng đi đến đường Thủ Khoa Nghĩa thuộc khu vực khóm 4, phường Châu A, thành phố D thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện trong túi quần đang mặc phía bên phải có 01 bọc nylon trong suốt hàn kín chứa tinh thể màu trắng nên tiến hành dẫn giải G và bị cáo vê trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong tang vật có sự chứng kiến của G và bị cáo. Việc bị cáo cất giấu bọc ma túy đá G hoàn toàn không biết.

- Nguyễn Văn Trường G trình bày: Khoảng 19 giờ 00 phút, G cùng với H (bạn cùng xóm) đi đến nhà của bị cáo T, khi đến thấy bị cáo đang ngồi sử dụng ma túy, cả ba cùng ngồi sử dụng ma túy được một lúc thì hết. G hỏi T còn ma túy không, T trả lời không còn, thấy vậy G rủ T đi mua ma túy về sử dụng, T đồng ý và cùng đi đến đường Thủ Khoa Nghĩa thuộc khu vực khóm 4, phường A, thành phố D thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện trong túi quần đang mặc phía bên phải có 01 bọc nylon trong suốt hàn kín chứa tinh thể màu trắng nên tiến hành dẫn giải G và T về trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong tang vật có sự chứng kiến của Gvà T. Việc T cất giấu bọc ma túy đá G hoàn toàn không biết.

- Nguyễn Phước T1 trình bày: Bản thân T1 tham gia mua bán trái phép chất ma túy từ khoảng tháng 6/2019 cho đến khi bị bắt (ngày 11/8/2019), Trong thời gian T1 tham gia mua bán ma túy T1 có bán cho nhiều người (không biết họ, tên và địa chỉ), trong đó T1 có bán ma túy cho T được ba lần, mỗi lần bán ma túy đá cho T giá 200.000đ.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 11/8/2019, lời khai của người chứng kiến, Kết luận giám định số 160/KLGT-PC09 ngày 22/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang cùng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó, có đủ căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi cất giấu trái pháp luật chất ma túy trong người với khối lượng ma túy (Methamphetamine) là 0,1035 gam; bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến

trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm", quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, 53 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; tích cực hợp tác với Cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động không có nghề nghiệp; xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) phong bì ghi Niêm phong vụ số 160/KLGT-PC09(MT) ngày 22/8/2019 có dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Châu Đốc và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà, Nguyễn Đăng Khoa, Ôn Văn Thuận, đây là vật cấm lưu hành. Xét, tịch thu tiêu hủy.

[7] Những vấn đề khác: Đối với Nguyễn Phước T1, bán ma túy cho Tâm, Cơ quan điều tra đã khởi tố tạm giam, điều tra xử lý; Mao Kỳ P (Ph) bỏ đi khỏi địa phương không rõ lý do, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý theo luật định là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; các điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, 53 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo: Trần Minh T phạm tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy";*

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh T: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giam 04/9/2019 *(ngày bốn, tháng chín, năm hai nghìn không trăm mười chín).*

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì ghi Niêm phong vụ số 160/KLGT-PC09(MT) ngày 22/8/2019 có dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - công an thành phố Châu Đốc và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà, Nguyễn Đăng Khoa, Ôn Văn Thuận.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra - Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc ngày 25/11/2019).

Căn cứ Điều 135, Điều 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Minh T phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lư Thị Châu Ngọc